

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo,  
đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025**

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về phát triển huyện Hà Quảng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 2573/KH-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Hà Quảng;

Thực hiện Công văn 1615/SLĐTĐ&XH, ngày 11/10/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022-2025;

Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng ban hành Kế hoạch thực hiện triển khai đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

**I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI**

Hà Quảng là huyện vùng cao biên giới, nằm ở khu vực phía Tây Bắc của tỉnh Cao Bằng, sau sáp nhập tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Hà Quảng là 810,96 km<sup>2</sup>. Toàn huyện có 19 xã, 02 thị trấn, trong đó có 16 xã đặc biệt khó khăn, với dân số trên 59 ngàn người, có 05 dân tộc chính: Nùng, Tày, Mông, Dao và Kinh. Trong năm qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định; kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện tiếp tục phát triển; đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, Hà Quảng là huyện nghèo, vùng cao, biên giới nên còn gặp nhiều khó khăn, đường giao thông nông thôn; tỉ lệ hộ nghèo đa chiều cao chiếm 51,59% (tỷ lệ hộ nghèo chiếm 39,59%, tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm 12%), quy mô nền kinh tế nhỏ, kết cấu hạ tầng còn thiếu và yếu, nguồn lực đầu tư còn hạn hẹp... tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước. Thu nhập bình quân đầu người toàn huyện năm 2021 đạt 21,2 triệu đồng/người/năm thấp hơn mức bình quân chung của cả tỉnh.

## II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Trong những năm qua được sự quan tâm đầu tư hỗ trợ của cấp trên, cơ sở hạ tầng, giao thông của huyện được phát triển đồng bộ, các tuyến đường trên địa bàn đã được đầu tư, duy tu bảo dưỡng thường xuyên: 21/21 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã, thị trấn được bê tông, nhựa hóa, toàn huyện có 04 tuyến đường tỉnh lộ, với chiều dài 79,5km, ngoài ra còn các tuyến xã, đường giao thông nông thôn đến các xóm (đường xóm, trục nội đồng...) cơ bản được đầu tư, đảm bảo giao thông phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, do huyện mới sáp nhập, địa hình phức tạp (chủ yếu là núi đá vôi, có độ dốc lớn, các xóm cách xa nhau, dân cư sống không tập trung), đa số các công trình đã được đầu tư, xây dựng từ rất lâu, hiện nay một số tuyến đường từ huyện đến trung tâm các xã, thị trấn đã xuống cấp; nhiều tuyến đường từ xã đến trung tâm các xóm chưa được cứng hóa, hệ thống thoát nước chưa đồng bộ, gây khó khăn cho các phương tiện tham gia giao thông và đi lại của người dân.

## III. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân đặc biệt là ở các xã, xóm đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin). Phấn đấu đến cuối năm 2025, huyện Hà Quảng cơ bản thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến cuối năm 2025

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn huyện bình quân hàng năm giảm từ 7,75% trở lên. Quy mô số hộ nghèo và cận nghèo đa chiều cuối kỳ giảm ít nhất 60% so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

- Thu nhập bình quân đầu người huyện Hà Quảng năm 2020 là 19,6 triệu đồng/người/năm. Phấn đấu tăng thu nhập bình quân đầu người của huyện tăng 1,8 lần so với năm 2020 (đạt 35,28 triệu đồng/người/năm)

- Số đơn vị cấp xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn 16/21 xã, phấn đấu đến năm 2025 giảm 06 xã: Trường Hà, Quý Quân, Cần Yên, Đa Thông, Thanh Long, Ngọc Động, còn 10/21 xã đặc biệt khó khăn đến năm 2025.

- Hiện nay toàn huyện có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đến cuối năm 2025 tăng thêm 04 xã (Trường Hà, Quý Quân, Cần Yên, Đa Thông) và xã Ngọc Đào đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### **IV. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Phạm vi thực hiện:** Trên địa bàn huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

**2. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 đến năm 2025.

**3. Nội dung thực hiện: Tiêu dự án 2 (thuộc Dự án 1):**

- Hỗ trợ đầu tư trọng tâm, trọng điểm và duy tu bảo dưỡng một số công trình giao thông liên xã phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa nhằm tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân;

- Tổng số công trình 06 công trình với số tiền 100 tỷ đồng, cụ thể:

+ Vốn đầu tư: Tổng 03 công trình, với số tiền 89 tỷ đồng

+ Vốn sự nghiệp: Tổng 03 công trình, với số tiền 11 tỷ đồng

*(Có phụ lục số 01 kèm theo)*

#### **4. Nhiệm vụ**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác giảm nghèo; nắm vững nội dung chương trình giảm nghèo bền vững theo chuẩn đa chiều, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa để từ đó nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, dự án nhằm để hộ nghèo, hộ cận nghèo thấy rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, từ đó tích cực tham gia thực hiện tốt các dự án, chương trình giảm nghèo và nỗ lực phấn đấu vươn lên sớm thoát nghèo bền vững.

- Chỉ đạo sát sao sự phối hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể với chính quyền để thực hiện có hiệu quả công tác vận động quần chúng, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng trong việc thực hiện chương trình giảm nghèo của huyện.

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với hộ thoát nghèo nhằm hạn chế tối đa số hộ tái nghèo hàng năm. Chú trọng việc tuyên truyền và học tập những gương điển hình vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài cho người lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; định hướng, bồi dưỡng kiến thức nghề, tư vấn chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; triển khai đồng bộ các chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm; chú trọng nâng cao hiệu quả dạy nghề gắn với giải quyết việc làm;

- Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời, các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo đúng đối tượng, tránh sai sót; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong việc thực hiện các chương trình giảm nghèo nhằm giúp cải thiện hiệu quả, nâng cao tính minh bạch, tiếp nhận nhanh phản hồi của đối tượng thụ hưởng chính sách cũng như thúc đẩy sự tham gia rộng rãi của người dân vào thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức hội nghị kết nối các tổ, nhóm, hộ dân với các công ty, doanh nghiệp, ngân hàng... để có sự liên kết đầu tư vốn, kỹ thuật, vật tư, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm, để các hộ dân nghèo có điều kiện học hỏi nhau, tiếp cận được nhiều lĩnh vực nhất là kỹ năng làm kinh tế, phát triển sản xuất.

## **5. Giải pháp thực hiện**

### **5.1. Tuyên truyền, vận động**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và ưu tiên tập trung, lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ, phấn đấu hoàn thành mục tiêu thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện.

### **5.2. Ưu tiên lồng ghép triển khai các dự án giảm nghèo nhằm tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân**

- Triển khai các dự án giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân sinh sống trên địa bàn huyện theo các mô hình tổ chức sản xuất (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư) phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

- Các dự án giảm nghèo cần chú trọng gắn với nhu cầu thị trường, phát huy lợi thế địa phương, sản xuất sản phẩm đặc sản của địa phương và có lộ trình xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động phải gắn với doanh nghiệp, thị trường lao động và giải quyết việc làm bền vững.

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công cho người lao động có nhu cầu.

### **5.3. Huy động nguồn lực**

- Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, người dân và cộng đồng tham gia đóng góp bằng tiền, tài sản, hiện vật hoặc ngày công lao động theo nguyên tắc tự nguyện.

- Khuyến khích áp dụng hình thức việc làm công để tạo điều kiện cho người dân có thêm thu nhập khi tham gia thi công công trình trên địa bàn huyện.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

## **V. NGUỒN KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách trung ương; ngân sách địa phương đối ứng theo phân cấp ngân sách hiện hành; vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Vốn tín dụng, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Là cơ quan thường trực Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai và thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch giảm nghèo hàng năm và giai đoạn gắn với thi đua khen thưởng kịp thời.

### **2. Phòng Kinh tế - Hạ tầng**

- Tổng hợp, rà soát nhu cầu, lập danh mục công trình giao thông cần đầu tư thực hiện trên địa bàn huyện đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung đầu tư của Tiểu dự án 2, Dự án 01 Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản (gồm vốn Đầu tư tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư) và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

### **3. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện thẩm định, phân bổ, hướng dẫn sử dụng, quản lý, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trên địa bàn huyện để nâng cao hiệu quả đầu tư. Chủ động nghiên cứu, xem xét, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí vốn khi được giao.

### **4. Các Phòng, ban, đơn vị liên quan:**

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn địa phương tập trung lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án thực hiện trên địa huyện để thực hiện Kế hoạch này.

- Các phòng, ban, ngành được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của phòng, ban, ngành; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

**5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội:** Tuyên truyền, hướng dẫn người dân phối hợp thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; tăng cường các hoạt động giám sát việc thực hiện (khi được phê duyệt thực hiện).

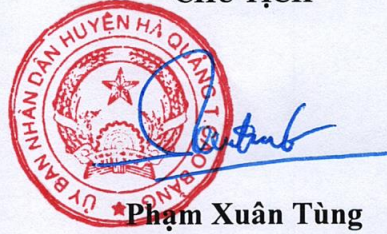
**6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:** Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này, lồng ghép vào Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững hàng năm của đơn vị; phối hợp với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên qua triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện triển khai đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025./. *yul*


**Nơi nhận:**

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các phòng, ban, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐT BXH (Công, Yên) *hcs*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Xuân Tùng**


  
**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ HỒ TRỢ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THOÁT KHỎI TÌNH TRẠNG NGHÈO, ĐBKK GIAI ĐOẠN 2022-2025 (Tiêu dự án 2)**  
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-LUBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Hà Quảng)

TT	Tên công trình/kết cấu	Quy mô đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công - hoàn thành	Lý do đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tr.đ)				Dự kiến phân bổ năm 2023				Dự kiến phân bổ năm 2024				
						Tổng cộng	Trong đó			NS Trung ương	NS địa phương			NS Trung ương	NS địa phương			
I	Vốn đầu tư phát triển					100.000	Ngân sách TW	Ngân sách Địa phương	Vốn lồng ghép...		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn lồng ghép		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn lồng ghép	
<b>B</b>	<b>Hà Quảng</b>					<b>89.000</b>	<b>89.000</b>	-		<b>35.000</b>				<b>54.000</b>				
1	Dường giao thông liên xã Thanh Long - Yên Sơn	Cải tạo, nâng cấp nền đường; mặt đường dài 15km, mặt đường rộng 5m	Xã Thanh Long, xã Yên Sơn	2023-2024	Cải tạo, nâng cấp nền đường, tăng cường kết cấu nền đường, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH khu vực các xã Thanh Long, Yên Sơn.	32.000	32.000			15.000				17.000				
2	Dường giao thông liên xã Lương Can - Thị trấn Thông Nông - Đa Thông, huyện Hà Quảng	Xây dựng mới đường liên xã dài 5km, Rộng 12m, hệ thống thoát nước	Xã Lương Can; Thị trấn Thông Nông; xã Đa Thông	2023-2024	Xây dựng mới đường liên xã đồng thời là đường tránh thị trấn Thông Nông theo Quy hoạch; Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, phát triển đô thị.	25.000	25.000			10.000				15.000				
3	Dường giao thông liên xã Hồng Sỹ - Thông Cốt, huyện Hà Quảng	Cải tạo, nâng cấp nền đường; mặt đường dài 12km, mặt đường rộng 5m	Xã Hồng Sỹ, xã Thông Cốt	2023-2024	Cải thiện kết cấu hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH khu vực các xã Hồng Sỹ, Thông Cốt, Núi Thôn	32.000	30.000			10.000				22.000				
<b>II</b>	<b>Vốn duy tu bảo dưỡng</b>					<b>11.000</b>	<b>11.000</b>			<b>5.000</b>				<b>10.000</b>				
<b>B</b>	<b>Hà Quảng</b>																	
1	Duy tu, bảo dưỡng đường liên xã Lương Yên (Lương Thông) Ngã Ba Lương Đáy (Cán Yên), huyện Hà Quảng	Cải tạo, sửa chữa nền mặt đường, công trình thoát nước	Xã Cán Yên, xã Lương Thông	2023-2024	Cải thiện hạ tầng giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	4.000	4.000			5.000								
2	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông liên xã xóm Mai Nưa (đit trấn Xuân Hòa) - Làng Lâu (Xã Thượng Thôn), huyện Hà Quảng	Cải tạo, sửa chữa nền mặt đường, công trình thoát nước	Thị trấn Xuân Hòa, xã Thượng Thôn	2024	Cải thiện hạ tầng giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	4.000	4.000							5.000				
3	Duy tu, bảo dưỡng đường nội thị thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	Cải tạo, sửa chữa nền mặt đường, công trình thoát nước	Thị trấn Thông Nông	2024	Cải thiện hạ tầng giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	3.000	3.000							5.000				



UBND HUYỆN HÀ QUẢNG

**BIỂU TÔNG HỢP CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số

KH-UBND ngày

tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng)

TT	Khu vực/Địa bàn	Số liệu đầu kỳ		Chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025																	
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Năm 2025			Số hộ nghèo đa chiều giảm (nghèo + cận)	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm (nghèo + cận)	Số hộ nghèo đa chiều giảm (nghèo + cận)	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm (nghèo + cận)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16					17	18
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
I	Khu vực thành thị	1.812	281	15,51	1.812	53	2,92	1.814	48	2,65	1.816	48	2,64	1.818	53	2,92	79	4,38			
1	TT Thông Nông	668	61	9,13	668	8	1,20	669	8	1,20	670	8	1,19	671	8	1,19	29	4,35			
2	TT Xuân Hòa	1.144	220	19,23	1.144	45	3,93	1.145	40	3,49	1.146	40	3,49	1.147	45	3,92	50	4,39			
II	Khu vực nông thôn	12.195	6.946	56,96	12.195	1.032	8,46	12.214	1.038	8,50	12.233	1.038	8,49	12.252	1.033	8,43	2.805	23,08			
3	Lương Can	552	291	52,72	552	45	8,15	553	45	8,14	554	45	8,12	555	50	9,01	106	19,30			
4	Đa Thông	972	579	59,57	972	90	9,26	973	122	12,54	974	122	12,53	975	122	12,51	123	12,73	NTM 2025		
5	Lương Thông	1.006	652	64,81	1.006	94	9,34	1.007	95	9,43	1.008	95	9,42	1.009	105	10,41	263	26,20			
6	Cần Yên	674	355	52,67	674	62	9,20	675	69	10,22	676	69	10,21	677	69	10,19	86	12,85	NTM 2025		
7	Cần Nông	411	293	71,29	411	40	9,73	412	40	9,71	413	40	9,69	414	42	10,14	131	32,02			
8	Thanh Long	683	385	56,37	683	68	9,96	684	60	8,77	685	60	8,76	686	65	9,48	132	19,41			
9	Yên Sơn	246	201	81,71	246	23	9,35	247	25	10,12	248	25	10,08	249	25	10,04	103	42,12			
10	Ngoài Đông	393	240	61,07	393	38	9,67	394	40	10,15	395	40	10,13	396	40	10,10	82	21,02			
11	Ngoài Đèo	1.446	262	18,12	1.446	50	3,46	1.447	50	3,46	1.448	47	3,25	1.449	20	1,38	95	6,58	NTM NC2024		
12	Trương Hà	823	206	25,03	823	75	9,11	824	30	3,64	825	30	3,64	826	30	3,63	41	5,01	NTM 2023		
13	Sóc Hà	703	145	20,63	703	30	4,27	704	25	3,55	705	25	3,55	706	25	3,54	40	5,72			
14	Quý Quan	315	170	53,97	315	40	12,70	316	45	14,24	317	45	14,20	318	10	3,14	30	9,69	NTM 2024		
15	Lương Năm	620	477	76,94	620	60	9,68	621	60	9,66	622	60	9,65	623	68	10,91	229	37,03			
16	Cai Viên	499	425	85,17	499	48	9,62	500	50	10,00	501	50	9,98	502	55	10,96	222	44,61			
17	Nội Thôn	425	377	88,71	425	42	9,88	426	40	9,39	427	40	9,37	428	45	10,51	210	49,55			
18	Thương Thôn	828	614	74,15	828	75	9,06	829	72	8,69	830	75	9,04	831	80	9,63	312	37,75			
19	Tông Cốt	561	480	85,56	561	55	9,80	562	60	10,68	563	60	10,66	564	64	11,17	242	43,25			
20	Hồng Sỹ	569	412	72,41	569	52	9,14	570	60	10,53	571	60	10,51	572	64	11,19	176	31,05			
21	Nà Ba	469	382	81,45	469	45	9,59	470	50	10,64	471	50	10,62	472	55	11,65	182	38,95			
<b>Tổng cộng (I + II)</b>		<b>14.007</b>	<b>7.227</b>	<b>51,60</b>	<b>14.007</b>	<b>1.085</b>	<b>7,75</b>	<b>14.028</b>	<b>1.086</b>	<b>7,74</b>	<b>14.049</b>	<b>1.086</b>	<b>7,73</b>	<b>14.070</b>	<b>1.086</b>	<b>7,72</b>	<b>2.884</b>	<b>20,66</b>			